

# BIẾN ĐỔI KINH TẾ VÀ TIÊU DÙNG Ở MỸ THẬP NIÊN 1970-1980

LÊ THỊ THU HÀNG\*

## 1. Đặt vấn đề

Nước Mỹ từ giữa thập niên 1960 đến đầu thập niên 1970 là thời kỳ tiếp nối của những cuộc thử nghiệm và đấu tranh xã hội với các phong trào biểu tình đòi quyền công dân của người da đen, quyền bình đẳng cho phụ nữ và phản đối chiến tranh ở Việt Nam. Bước sang thập niên 1970 và 1980, nước Mỹ có nhiều thay đổi lớn về kinh tế và xã hội với những trải nghiệm trái ngược nhau. Nếu như nước Mỹ thập niên 1970 phải đối mặt với những thách thức kinh tế như lạm phát và khủng hoảng năng lượng thì thập niên 1980 chứng kiến sự hồi sinh của tăng trưởng và niềm tin. Những biến đổi kinh tế lớn đã tác động thế nào đến nước Mỹ, đến tư duy và hành động của người tiêu dùng Mỹ trong hai thập niên này là những câu hỏi nghiên cứu chính. Bằng cách sử dụng phương pháp nghiên cứu tiếp cận từ góc độ lịch sử kết hợp với các phương pháp thống kê, các kết quả nghiên cứu xã hội học, bài viết phân tích, lý giải xu hướng và quan niệm tiêu dùng ở nước Mỹ thập niên 1970 và 1980, thời kỳ được xem là bước đệm quan trọng trước khi chuyển sang giai đoạn toàn cầu hóa của thập niên 1990 và trở thành siêu cường duy nhất với sức mạnh chính trị, quân sự, kinh tế.

## 2. Biến đổi kinh tế thập niên 1970-1980

### 2.1. Suy thoái và khủng hoảng năng lượng thập niên 1970

Trong gần hai thập niên sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, nước Mỹ bước vào “thời kỳ thịnh vượng nhất mà thế giới từng biết đến” (1). Tăng trưởng kinh tế cùng những biến đổi xã hội về cư dân và môi trường sống đã thúc đẩy tiêu dùng của người dân Mỹ. Sức mua tăng cũng tác động trở lại, kích thích sản xuất trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài, đưa Mỹ trở thành thị trường tiêu thụ hàng hóa khổng lồ và góp phần thúc đẩy kinh tế Mỹ cũng như kinh tế toàn cầu. Chính sách kích cầu của chính phủ Mỹ thời kỳ này đã chứng minh được vai trò quan trọng của tiêu dùng trong nền kinh tế thời hậu chiến.

Tuy nhiên, những dấu hiệu đáng lo ngại bắt đầu xuất hiện vào cuối thập niên 1960 khi tỉ lệ thất nghiệp và chỉ số giá tiêu dùng tăng trong khi tiền lương thực tế giảm. Nền kinh tế đã suy thoái từ tháng 12 năm 1969 đến tháng 11 năm 1970 và một lần nữa từ tháng 11 năm 1973 đến tháng 3 năm 1975. Nguyên nhân dẫn đến sự suy thoái này là do: 1. Thâm hụt ngân sách liên bang ngày càng tăng do chi phí quân sự khổng lồ của chính phủ Mỹ cho chiến tranh ở Việt Nam; 2. Gia tăng lạm phát từ việc thực thi các

---

\*TS. Viện Nghiên cứu châu Âu và châu Mỹ, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

chính sách xã hội nhằm chống đói nghèo trong Chương trình xã hội vĩ đại (Great Society) mà không tăng mức thuế tương xứng để trả cho các khoản chi của chính phủ (2); 3. Các ngành sản xuất của Mỹ trở nên kém cạnh tranh hơn so với các đối thủ nước ngoài do chính phủ Mỹ đã khuyến khích tái thiết nền kinh tế của Tây Âu và Nhật Bản, vừa để làm suy yếu sức hấp dẫn của chủ nghĩa cộng sản ở các quốc gia đó vừa để chứng minh sự vượt trội của chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên, sự hồi sinh của ngành sản xuất ở Tây Âu và Nhật Bản cũng có nghĩa là tăng sự cạnh tranh đối với các công ty Mỹ trong các ngành sản xuất trụ cột như thép và ô tô. Việc người Mỹ chi nhiều tiền hơn cho hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài so với số tiền thu được từ hàng xuất khẩu đã khiến Mỹ lần đầu tiên trong thế kỷ XX bị thâm hụt cán cân thương mại vào năm 1971. Năm 1975 đánh dấu lần cuối cùng giá trị xuất khẩu của Mỹ vượt giá trị nhập khẩu trong thế kỷ này và kể từ đó, nước Mỹ thường xuyên rơi vào tình trạng thâm hụt thương mại (3); 4. Ngành dịch vụ đã thay thế ngành công nghiệp và sản xuất để trở thành phân khúc tăng trưởng nhanh nhất của nền kinh tế Mỹ. Tuy nhiên, các công việc trong ngành dịch vụ thời kỳ này nhận được ít quyền lợi lao động và cơ hội thăng tiến hơn. Điều này khiến những người Mỹ sinh ra vào giai đoạn cuối của thời kỳ bùng nổ dân số (1946-1964) cho rằng họ phải đứng trước một thị trường lao động đầy cạnh tranh cùng lúc với sự gia tăng số lượng phụ nữ kết hôn và người nhập cư tham gia vào lực lượng lao động (4).

Năm 1971, Tổng thống Richard Nixon đã nỗ lực khắc phục lạm phát và suy thoái bằng một chính sách kinh tế mới nhằm cắt giảm chi tiêu của chính phủ, kiểm soát tiền lương và giá cả trên toàn quốc, đồng thời áp đặt mức thuế đặc biệt là 10% đối với hàng

hóa nhập khẩu và từ bỏ chế độ bản vị vàng (5). Điều này đồng nghĩa với việc thả nổi đồng đô la trên thị trường để sử dụng các chính sách tiền tệ một cách linh hoạt hơn. Những biện pháp này đã làm chấn động thế giới tư bản và còn được gọi là “cú sốc Nixon” (6). Tuy nhiên, chúng chỉ giúp cải thiện được tình hình trong ngắn hạn mà không giải quyết được gốc rễ của vấn đề.

Thập niên 1970 cũng liên tiếp chứng kiến các cuộc khủng hoảng năng lượng làm tăng chi phí dầu mỏ và suy yếu nền kinh tế Mỹ. Cuộc khủng hoảng lần thứ nhất là vào tháng 10 năm 1973 khi Mỹ ủng hộ Israel sau một cuộc tấn công bất ngờ của Ai Cập và Syria trong chiến tranh Yom Kippur. Để trừng phạt việc Mỹ cung cấp vũ khí cho Israel, Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) đã thực hiện các biện pháp chưa từng có để ngừng cung cấp dầu cho Mỹ và các nước đồng minh châu Âu của Israel. Sự trừng phạt này đã có tác động tức thì khi cầu vượt xa nguồn cung khiến giá dầu thô tăng vọt từ khoảng 2,45 USD/thùng năm 1972 lên hơn 11 USD/thùng năm 1974 (7), làm tăng chi phí năng lượng cho cả người tiêu dùng và doanh nghiệp.

Khi ngày càng nhiều gia đình Mỹ chuyển đến sống ở các vùng ngoại ô và phụ thuộc vào ô tô để di chuyển thì việc giá một nguyên liệu đầu vào quan trọng tăng nhanh như vậy đã gây hậu quả nghiêm trọng cho sức khỏe của nền kinh tế quốc gia. Cú sốc giá dầu đã khiến người Mỹ phải xếp hàng dài tại các trạm mua xăng. Khi giá xăng tăng, các đại lý xe hơi không thể bán được những chiếc xe đắt tiền và không có tính năng tiết kiệm nhiên liệu. Người Mỹ bắt đầu chuyển sang các thương hiệu xe hơi tiết kiệm được xăng dầu của Nhật Bản như Toyota, Nissan và Honda, đưa Nhật Bản trở thành quốc gia bán xe hơi hàng đầu ở Mỹ với gần hai triệu chiếc vào

năm 1977 (8). Ngay cả khi lệnh cấm vận kết thúc vào tháng 3 năm 1974, giá dầu vẫn ở mức cao, làm gia tăng lạm phát và thất nghiệp. Thâm hụt ngân sách liên bang gia tăng, cạnh tranh nước ngoài gay gắt và thị trường chứng khoán suy thoái (9).

Cuộc khủng hoảng năng lượng lần thứ hai là vào năm 1979. Không giống như lệnh cấm vận của cú sốc dầu mỏ năm 1973, khủng hoảng lần này là do cuộc cách mạng năm 1978 ở Iran gây ra. Mâu thuẫn nội bộ và sự thay đổi chế độ sau đó ở Iran đã khiến nguồn cung dầu thô toàn cầu giảm mạnh do ngành công nghiệp vàng đen của nước này bị tàn phá bởi các lực lượng đối lập. Nguồn cung toàn cầu giảm khiến giá dầu ở Mỹ tăng lên hơn gấp ba lần, từ hơn 11 USD/thùng năm 1974 tới 39 USD/thùng dầu năm 1981 (10). Giá năng lượng tăng cao đã thúc đẩy vòng xoáy làm tăng chi phí tiền lương và giá cả tiêu dùng, nhất là đối với các sản phẩm cần dầu để sản xuất hoặc cần vận chuyển bằng xe tải, máy bay.

## **2.2. Hồi phục kinh tế thập niên 1980**

Khi Tổng thống Ronald Reagan tuyên thệ nhậm chức vào ngày 20 tháng 1 năm 1981, nước Mỹ đang trải qua một trong những thời kỳ kinh tế ảm đạm nhất kể từ cuộc đại khủng hoảng với thuế cao, thất nghiệp cao, lãi suất cao và niềm tin suy giảm. Ronald Reagan thường tự xem mình như một nhà cấp tiến hồi thế kỷ XVIII theo phong cách của Thomas Paine, một nhà hoạt động chính trị và cũng là tác giả cuốn sách nổi tiếng *Common Sense* (Lẽ thường) (11). Ông đã trích dẫn lời truyền cảm hứng của Thomas Paine dành cho những nhà cách mạng ở Mỹ năm 1776 rằng “chúng ta có quyền năng để khởi đầu lại thế giới” (12). Ưu tiên hàng đầu của tổng thống “là một nền kinh tế lành mạnh, năng động và phát triển, mang lại cơ hội bình đẳng cho

tất cả người Mỹ, không có rào cản phát sinh từ sự cố chấp hay phân biệt đối xử... tạo việc làm, chấm dứt lạm phát để giải phóng người Mỹ khỏi nỗi sợ hãi từ chi phí sinh hoạt cao” (13).

Ông tin rằng việc trao quyền cho cá nhân sử dụng các nguồn lực tài chính và ưu đãi đầu tư sẽ dẫn đến tạo việc làm, kiểm soát lạm phát và giảm lãi suất. Tháng 8 năm 1981, Tổng thống Reagan đã ký Đạo luật Thuế phục hồi kinh tế (The Economic Recovery Tax Act of 1981 - ERTA) nhằm giảm thuế thu nhập cá nhân, giảm trừ chi phí khấu hao tài sản và tăng ưu đãi cho các doanh nghiệp nhỏ. Bên cạnh đó, Đạo luật cải cách thuế năm 1986 (Tax Reform Act of 1986) cũng quy định thuế thu nhập cho cá nhân và doanh nghiệp ở mức thấp nhất trong số các quốc gia công nghiệp lớn trên thế giới. Sự kết hợp giữa cắt giảm thuế và bãi bỏ bớt các quy định là chất xúc tác cho tăng trưởng kinh tế, giúp một số ngành phát triển mạnh mẽ như tài chính, công nghệ và sản xuất. Trong quá trình này, doanh nghiệp có nhiều vốn và tính linh hoạt hơn, dẫn đến tạo việc làm. Cùng lúc đó, lạm phát đã giảm mạnh từ 13,5% năm 1980 xuống còn 4,1% năm 1988 (14), tạo ra một môi trường kinh tế ổn định hơn, làm tăng niềm tin của doanh nghiệp và giới đầu tư.

Trước sự vươn dậy của Nhật Bản có khả năng thách thức vị thế kinh tế của Mỹ sau các cuộc suy thoái, lời nói trấn an người dân Mỹ của Tổng thống Ronald Reagan về một “bình minh trên đất Mỹ” đã giúp ông tái đắc cử năm 1984 (15). Thành công của chính quyền Tổng thống Reagan trong thập niên này được cho là xuất phát từ chính sách kinh tế trọng cung, thúc đẩy nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, điều đã mang lại cho ông sự ủng hộ của nhiều tập đoàn Mỹ. Trong nhiệm kỳ thứ hai, ông tiếp tục đẩy

mạnh nền kinh tế tự do, giảm chi tiêu xã hội, tăng chi tiêu quân sự, bãi bỏ các quy định nghiêm ngặt về môi trường và kinh doanh của thập niên 1960 và 1970 để các doanh nghiệp có thể tìm kiếm lợi nhuận tối đa. Ông cho rằng sự can thiệp của chính phủ là một lực cản đối với tăng trưởng kinh tế, làm giảm các động lực kinh tế và làm méo mó các tín hiệu thị trường. Do vậy, việc giảm gánh nặng thuế sẽ giúp các cá nhân và tập đoàn có động lực để đầu tư, đổi mới và tạo ra tăng trưởng. Một khu vực tư nhân mạnh sẽ mang lại lợi ích cho mọi tầng lớp xã hội. Việc bãi bỏ quy định trong nhiều ngành công nghiệp khác nhau và việc giảm bớt sự can thiệp của chính phủ sẽ thúc đẩy cạnh tranh, sáng tạo và hiệu quả (16).

Hành động cắt giảm thuế của chính quyền Reagan đã khuyến khích sự đổi mới và tinh thần kinh doanh, cũng như tạo ra các động lực để phát triển quỹ vốn mạo hiểm và gia tăng đầu tư vào nhân lực thông qua giáo dục và đào tạo. Việc cắt giảm đặc biệt có lợi cho các ngành công nghiệp “ý tưởng” như phần mềm hoặc dịch vụ tài chính. Nhiệm kỳ của Tổng thống Reagan cũng chứng kiến sự khởi đầu của cuộc cách mạng thông tin khi IBM ra mắt máy tính cá nhân đầu tiên vào năm 1981 và sự ra đời của hàng loạt công ty công nghệ như Intel, Microsoft, Dell, Sun Microsystems, Compaq và Cisco Systems. Thập niên 1980 là thời kỳ giúp các doanh nghiệp ngày một lớn mạnh hơn. Nhiều công ty đã thôn tính quyền lực bằng cách mua lại các đối thủ cạnh tranh và các vụ mua lại doanh nghiệp hay sáp nhập trở nên phổ biến trong thời kỳ này.

Chính sách kinh tế của Tổng thống Reagan đã gây ra những tranh cãi. Nhiều nhà kinh tế cho rằng mặc dù nền kinh tế đã phục hồi và tăng trưởng, nhưng chương trình giảm thuế của Reagan đã mang lại lợi ích lớn cho người giàu và do vậy làm gia

tăng khoảng cách giàu nghèo của đất nước (17). So với nước Mỹ thời hậu chiến (1946-1969) là một kết cấu xã hội tương đối đồng nhất thì nước Mỹ thập niên 1980 là một xã hội có sự phân tầng rõ nét. Bất bình đẳng về thu nhập giữa các nhóm xã hội bắt đầu gia tăng trong thập niên này khi thu nhập của một nhóm thiểu số ở nấc thang kinh tế cao nhất đã tăng lên nhiều lần trong khi thu nhập của tầng lớp trung lưu và lao động tăng lên không đáng kể. Tầng lớp trung lưu suy giảm ở Mỹ trong khi người giàu ngày một giàu hơn. Từ năm 1980 đến năm 1988, tỷ lệ thu nhập của 10% hộ gia đình giàu nhất nước Mỹ đã tăng từ 34,65% lên 40,6%. Tỷ lệ thu nhập của các hộ trong nhóm 0,1% người giàu đã tăng gấp đôi trong cùng kỳ là 6,8% (18).

### **3. Sự chuyển biến của xu hướng tiêu dùng thập niên 1970-1980**

#### **3.1. Xu hướng tiêu dùng thập niên 1970**

Suy thoái và các cuộc khủng hoảng năng lượng trong thập niên 1970 đã làm tăng chi phí và giá cả trong mọi hoạt động của nền kinh tế, góp phần kìm hãm tăng trưởng, thúc đẩy lạm phát, khiến thời kỳ này trở thành kỷ nguyên của đình trệ và lạm phát hay còn gọi là “đình lạm” (19). Nếu như lạm phát chỉ ở mức 1% và thất nghiệp 5% vào năm 1964 thì những con số này năm 1974 là gần 12% và 7%. Đến mùa Hè năm 1980, lạm phát đã lên tới gần 14,5% và thất nghiệp là hơn 7,5% (20). Tác động của tình trạng đình lạm sâu rộng đã dẫn đến sự suy giảm lòng tin của người tiêu dùng Mỹ, từ đó dẫn đến giảm chi tiêu. Điều này càng làm trầm trọng thêm tình trạng trì trệ của nền kinh tế. Ngoài ra, tỷ lệ lạm phát cao còn làm giảm giá trị đồng tiền, dẫn đến giảm tiết kiệm và đầu tư.

Trong bài phát biểu trước Quốc hội năm 1974, Tổng thống Gerald Ford đã tuyên bố

nước Mỹ có một kẻ thù mới và “kẻ thù số một của công chúng” lúc này là lạm phát (21). Ông đã ban hành một chiến dịch tuyên truyền lớn có tên là “Đánh bại lạm phát” (Whip Inflation Now - WIN), yêu cầu cả chính phủ và người dân Mỹ tự nguyện kiểm soát chi tiêu. Tuy nhiên, những biện pháp này đã không đem lại hiệu quả. Khi Tổng thống Jimmy Carter nhậm chức vào tháng 1 năm 1977, ông đã kêu gọi người Mỹ tiết kiệm chi tiêu theo nhiều cách như từ bỏ những chuyến đi không cần thiết, đi chung xe thường xuyên hơn, sử dụng phương tiện công cộng, tăng nhiệt độ máy điều hòa vào ban đêm và giới hạn tốc độ lái xe nhằm tiết kiệm năng lượng nhiều nhất có thể trên tinh thần “mỗi hành động tiết kiệm năng lượng... đều là một hành động yêu nước” (22).

Trong vòng hai năm, từ 1977 đến 1979, lạm phát đã lên tới 13,3% (23). Khi lạm phát vượt khỏi tầm kiểm soát, Cục dự trữ liên bang đã tuyên bố chống lạm phát vào năm 1979 bằng cách tăng lãi suất để khiến tiền vay trở nên đắt đỏ và do đó sẽ kiềm chế sự gia tăng của nguồn cung tiền. Kết quả là lãi suất cho vay tiêu dùng lên tới 18% vào năm 1980 và điều này đã góp phần đẩy nền kinh tế vào suy thoái ngay khi Jimmy Carter đang tái tranh cử (24). Ông đã rất lo lắng khi kết quả của các cuộc thăm dò dư luận cho thấy một cuộc khủng hoảng trong người dân Mỹ đang khiến họ mất niềm tin vào nền dân chủ và khả năng giải quyết vấn đề của chính phủ. Tỷ lệ thất nghiệp và lãi suất đều ở mức cao nhất trong lịch sử quốc gia. Đến tháng 11 năm 1982, tỷ lệ thất nghiệp lên tới 10,8%, mức cao nhất kể từ năm 1940, tương ứng với năm công nhân Mỹ thì có một người không có việc làm (25). Tình trạng đình lạm và yêu cầu kiểm soát chi tiêu đã khiến mức tiêu dùng của nước Mỹ thập niên 1970 bị sụt giảm.

Bất ổn kinh tế đã lan rộng sang các vấn đề văn hóa, xã hội khi người dân Mỹ liên tục đặt câu hỏi về chi phí môi trường cho sự giàu có của nước Mỹ thời hậu chiến, về việc đẩy mạnh những thành quả của phong trào dân quyền, về quyền tự do cá nhân trong các vấn đề hôn nhân, gia đình, bình đẳng giới, quyền phá thai, người đồng tính và những cảnh báo về sự suy giảm các tiêu chuẩn đạo đức. Nhiều người Mỹ không còn tin rằng tương lai là do họ tạo ra. Họ cũng không lạc quan về triển vọng và ảnh hưởng của Mỹ trên thế giới. Thập niên 1970 được xem là thời kỳ của một thế hệ thanh niên không hài lòng với thực tại và lo lắng với tương lai. Họ muốn thoát khỏi các vấn đề của quốc gia và xã hội để tập trung vào các mục tiêu và sở thích của bản thân. Thời kỳ này còn được Tom Wolf gọi là “Me Decade”, hay “Thập kỷ của cái tôi”, để chỉ sự sùng bái cá nhân, khi sự “tự nhận thức” và “tự hoàn thiện” đang trở thành khát vọng của những người trẻ tuổi (26).

Ngày 15 tháng 7 năm 1979, Tổng thống Jimmy Carter đã có bài phát biểu về cuộc khủng hoảng. Ông gọi những vấn đề mà nước Mỹ đang phải đối mặt là cuộc “khủng hoảng niềm tin”, “... đây là cuộc khủng hoảng tấn công vào trái tim và tâm hồn của nước Mỹ... Sự xói mòn lòng tin vào tương lai đang đe dọa phá hủy cấu trúc xã hội và chính trị của quốc gia” và khi kêu gọi kiểm soát chi tiêu, ông cho rằng “... nhiều của cải vật chất không thể lấp đầy được những cuộc đời không có niềm tin và mục đích” (27). Tuy nhiên, bài phát biểu ủng hộ lối sống giản dị và tiết kiệm chi tiêu của Tổng thống đã không giúp ích nhiều cho ông tại các cuộc bỏ phiếu năm 1980. Khi liên tục phải đối mặt với các vấn đề từ tình trạng thiếu hụt dầu mỏ, lạm phát, đình trệ, các cử tri Mỹ đã lựa chọn lá phiếu cho những

chính sách lạc quan của ứng cử viên Ronald Reagan.

### **3.2. Xu hướng tiêu dùng thập niên 1980**

Chính sách cắt giảm thuế cho các cá nhân và hộ gia đình của chính quyền Tổng thống Ronald Reagan đã tạo đà thúc đẩy sức mua, khởi đầu cho một thời kỳ tăng trưởng tiêu dùng. Mua sắm trên diện rộng dần được khôi phục và trở thành hoạt động giải trí yêu thích của người Mỹ với số lượng hàng tiêu dùng trong các gia đình ngày một gia tăng. Đến giữa thập niên 1980, 91 triệu hộ gia đình Mỹ đã mua 62 triệu lò vi sóng, 63 triệu máy ghi băng video (VCR), 57 triệu máy giặt và máy sấy, 88 triệu ô tô và xe tải nhẹ, 105 triệu TV màu, 31 triệu điện thoại không dây và 30 triệu máy trả lời điện thoại (28). Người Mỹ cũng dành nhiều thời gian hơn ở các trung tâm thương mại. Năm 1985, nước Mỹ có hơn 26.000 trung tâm mua sắm với tổng doanh số mua hàng mỗi năm tại các trung tâm này đạt 1.000 tỉ USD (29). Các trung tâm mua sắm quy mô lớn trở thành nơi thu hút những người trẻ tuổi thuộc thế hệ “Me Generation” của thập niên “Me Decade” 1970, những người theo đuổi chủ nghĩa cá nhân và khẳng định sự độc lập. Thế hệ này đã trở thành tâm điểm để các doanh nghiệp hướng tới và khai thác nhu cầu mua sắm thể hiện phong cách cá nhân của họ (30).

Sự phục hồi kinh tế trong nhiệm kỳ của Tổng thống Ronald Reagan cũng tạo ra hai xu hướng tiêu dùng nổi bật.

*Thứ nhất*, đó là xu hướng tiêu dùng trong giới tinh hoa trẻ tuổi và có học thức cao được gọi là các “yuppie”, xuất phát từ cụm từ “Young Urban Professional”, cho thấy những thay đổi và chuyển dịch đang diễn ra trong xã hội Mỹ. Sau khi từ “yuppie” xuất hiện trong chuyên mục của Bob Greene trên tờ *Chicago Tribune* vào năm 1983 (mặc dù Greene tuyên bố ông

không phải là người đầu tiên nghĩ ra từ này), hơn 22.000 tạp chí và bài báo đã đưa tin về “yuppie” (31) trở thành một hiện tượng văn hóa xã hội được nhắc đến rộng rãi. Thuật ngữ “yuppie” không chỉ mô tả độ tuổi và mức thu nhập mà còn hàm chứa mục tiêu sống của họ. Đây là biệt danh để chỉ những người thành thị trẻ, tuổi từ 25 đến 39, có học thức, có việc làm và thành công với mức lương từ 40.000 USD/năm trở lên (32).

Văn hóa “yuppie” thập niên 1980 được xem là sự tương phản với văn hóa “hippie” ở Mỹ hồi thập niên 1960. Với những người theo phong trào “hippie”, họ sẵn sàng từ bỏ tham vọng về của cải vật chất, ủng hộ hòa bình, phản đối chiến tranh, từ chối hôn nhân. Họ thích nhạc rock and roll, thời trang tóc dài, quần jeans bụi phủ, lối sống tự do và tôn giáo thần bí. Trong khi đó, những “yuppie” của thập niên 1980 lại chọn những giá trị hoàn toàn khác biệt. Đặc điểm nổi bật của các “yuppie” là coi trọng của cải vật chất, xem đây như một biểu tượng cho sự thành công cá nhân. Họ thường lái những chiếc xe sang trọng, sống trong những khu phố cao cấp và khoác trên mình các thương hiệu thiết kế. Những mặt hàng thể hiện hình ảnh này trong thập niên 1980 có thể kể đến là xe hơi BMW, thời trang Ralph Lauren hay Hugo Boss, đồng hồ Rolex, nước khoáng Perrier, điện thoại di động, đĩa nhạc CD và máy tính cá nhân IBM. Họ là những cá nhân có tham vọng và cam kết không ngừng đối với sự nghiệp, luôn phấn đấu và sẵn sàng làm việc chăm chỉ, thậm chí làm việc trong nhiều giờ để thăng tiến. Họ có định hướng nghề nghiệp rõ ràng, thường làm trong các lĩnh vực có thu nhập cao như luật học, y khoa và đặc biệt là tài chính kinh doanh. Số lượng người thi tuyển vào ngành tài chính kinh doanh trong thập niên này gia tăng rõ nét vì họ coi đây là con

đường nhanh dẫn đến thịnh vượng và thành công (33).

Sự gia tăng và phát triển mạnh mẽ của các doanh nghiệp đã đưa Phố Wall trở thành biểu tượng của thành công và giàu có. Thị trường chứng khoán bùng nổ đã tạo ra một môi trường tìm kiếm lợi nhuận nhanh chóng. Những yếu tố của sự thịnh vượng mới này đã thúc đẩy khát vọng của những người trẻ tuổi có tay nghề và tri thức. Giá trị sống của họ được thể hiện rõ ràng là ưu tiên sự nghiệp và phấn đấu để có mức thu nhập cao, hơn là việc ưu tiên cho các mối quan hệ cá nhân. Quan điểm xã hội và chính trị của các “yuppie” được mô tả là tự do, khoan dung. Họ chú trọng đến quyền tự do cá nhân, cởi mở về hôn nhân và ủng hộ bình đẳng giới (34). Nhiều người đã trì hoãn việc kết hôn và sinh con. Những cặp vợ chồng không có con được gọi là DINKs (Dual Income, No Kids - gia đình có hai nguồn thu nhập và không có con). Họ có thể hoàn thành được nhiều công việc hơn trong một ngày, thậm chí làm hai hoặc nhiều công việc và làm hơn 60 giờ một tuần (35).

*Thứ hai*, với sự gia tăng bất bình đẳng về thu nhập, thập niên 1980 được xem là lúc các gia đình Mỹ kết thúc xu hướng mua sắm để theo kịp mức sống của các gia đình trong cùng tầng lớp và chuyển sang xu hướng mua sắm theo lối sống của các gia đình thuộc tầng lớp cao hơn mình, tạo ra một giai đoạn mới của tiêu dùng cạnh tranh, được gọi là “chủ nghĩa tiêu dùng mới” (36). Giới thượng lưu Mỹ bắt đầu chi tiêu nhiều hơn cho những hàng hóa thể hiện địa vị là các sản phẩm tiêu dùng cao cấp như kính mát Ray-Ban, quần áo Polo và ô tô Mercedes.

Để tiến đến gần hơn với lối sống của các tầng lớp trên, vay tiêu dùng được xem là phương thức nhanh nhất để thu hẹp khoảng

cách về sở hữu vật chất giữa các tầng lớp xã hội. Từ năm 1982 đến năm 1987, tỷ lệ thị trường tín dụng trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP) tăng từ hơn 150% lên gần 250%. Nợ thẻ tín dụng của người Mỹ tăng từ 63 tỷ USD năm 1982 lên 95 tỷ USD năm 1984 và tới 189 tỷ USD năm 1989 (37). Việc bãi bỏ quy định về lãi suất thẻ tín dụng giúp các ngân hàng có thêm lợi nhuận trong việc phát hành thêm thẻ với nhiều ưu đãi chưa từng có cho người tiêu dùng.

Số lượng người Mỹ sở hữu thẻ tín dụng ngày một tăng, cho phép họ có thể nhanh chóng mua sắm nhiều tài sản và vật dụng mong muốn. Năm 1980, 56% người trưởng thành có ít nhất một thẻ tín dụng và con số này là 76% năm 2001. Thập niên 1980, nợ hộ gia đình tăng khoảng 20% trong GDP, tỷ lệ tiết kiệm cá nhân giảm từ 10% xuống 7% và tiếp tục giảm trong những năm sau đó (38). Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến đặc trưng “thâm hụt kép” của nền kinh tế Mỹ thập niên 1980. Đó là thâm hụt cán cân thương mại và thâm hụt ngân sách liên bang khi cả chính phủ và người dân đều chi tiêu quá mức (39).

#### 4. Nhận xét

Sau thời gian tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ của thập niên 1950-1960, nước Mỹ thập niên 1970 bước vào thời kỳ suy thoái kinh tế với mức lãi suất, lạm phát và thất nghiệp cao. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc gia tăng chi phí quân sự cho chiến tranh, thâm hụt ngân sách cho các chương trình cải cách xã hội, năng lực cạnh tranh của các quốc gia phát triển khác và những cuộc khủng hoảng năng lượng đã càng làm cho các vấn đề khác trở nên trầm trọng hơn. Tác động của những biến đổi kinh tế này đã dẫn đến sự suy giảm lòng tin của người tiêu dùng Mỹ, từ đó dẫn đến giảm chi tiêu trong thập niên 1970.

Thập niên 1980 đánh dấu thời kỳ xuất hiện các xu hướng chính trị và kinh tế mới. Việc bầu Ronald Reagan làm Tổng thống vào tháng 11 năm 1980 mở đầu cho thời kỳ của tư duy và chính sách thị trường tự do trong đời sống Mỹ. Sự xuất hiện và gia tăng về số lượng của các “yuppie”, hay giới tinh hoa trẻ tuổi và có học thức cao, trong thập niên 1980 là kết hợp của nhiều yếu tố, bao gồm tăng trưởng kinh tế, tăng khả năng tiếp cận giáo dục đại học và sự thay đổi động lực của thị trường việc làm. Sự xuất hiện của họ cũng là mốc đánh dấu cho sự trở lại của thời kỳ gia tăng tiêu dùng mạnh mẽ của nước Mỹ sau thời gian gián đoạn của thập niên 1970. Mặc dù chính sách cắt giảm thuế, bãi bỏ các quy định của

chính quyền Reagan là một trong những yếu tố thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhưng cũng đồng thời cũng làm gia tăng bất bình đẳng thu nhập và do đó dẫn đến sự chênh lệch trong tiêu dùng. Thập niên này đánh dấu thời kỳ xu hướng tiêu dùng mang tính cá nhân hóa cao nhằm thể hiện bản sắc cá nhân, do vậy đã có những tác động lớn đến định hướng và sự phát triển của các doanh nghiệp Mỹ nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu của người tiêu dùng trong những thập niên tiếp theo. Có thể nói, gia tăng tiêu dùng từ thập niên 1980 là một trong những yếu tố đã tạo đà cho tăng trưởng kinh tế kéo dài trong thập niên 1990, giúp Mỹ trở thành siêu cường trên nhiều lĩnh vực thời kỳ toàn cầu hóa.

### CHÚ THÍCH

(1), (4). Patterson, J. T. *Grand expectations: the United States, 1945-1974*. Oxford University Press, 1996, p. 61, 736-738.

(2). Hai nguyên nhân đầu tiên này được cho là bắt nguồn từ chương trình “Súng và Bơ” của Tổng thống Lyndon B. Johnson. Trong đó, súng tượng trưng cho cuộc chiến ở Việt Nam và bơ tượng trưng cho các chương trình xã hội như Medicare (chăm sóc sức khỏe cho người già), tem phiếu thực phẩm (hỗ trợ thực phẩm cho người nghèo) và nhiều sáng kiến giáo dục khác (hỗ trợ cho sinh viên cũng như tài trợ cho các trường đại học và cao đẳng).

(3). Choate, P. *Saving capitalism: keeping America strong*. Vintage Books, 2009, p. 88.

(5). Richard Nixon Foundation. “The Challenge of Peace: President Nixon’s New Economic Policy”, <https://www.nixonfoundation.org/2014/08/challenge-peace-nixons-new-economic-policy/>, truy cập ngày 23-11-2024.

(6). Office of the Historian. “Nixon and the end of the Bretton Woods system, 1971-1973”, <https://history.state.gov/milestones/1969-1976/nixon-shock>, truy cập ngày 23-11-2024.

(7). Benett, A., & O’Reilly, A. *Consumed: rethinking business in the era of mindful spending* (1st ed). Palgrave Macmillan, 2010, p. 20.

(8). Vogel, E. F. *Japan as Number One : Lessons for America*. Harvard University Press, 1979, p. 9.

(9). Moffatt, Mike. *The U.S. Economy of the 1960s and 1970s*, <https://www.thoughtco.com/us-economy-in-the-1960s-and-1970s-1148142>, truy cập ngày 17-10-2024.

(10). Federal Reserve History. (2013). *Oil Shock of 1978-79*, <https://www.federalreservehistory.org/essays/oil-shock-of-1978-79>, truy cập ngày 30-10-2024.

(11). Đây là cuốn sách quan trọng trong thời kỳ lập quốc, khơi dậy tinh thần độc lập mạnh mẽ của người dân Mỹ. Trong đó, Thomas Paine khẳng định rằng Mỹ hoàn toàn có thể là một quốc gia độc lập, không phải phụ thuộc vào Anh và nước Mỹ sẽ thịnh vượng nhờ vào chính nội lực của người dân Mỹ.

(12). Paine, T. *Thomas Paine on liberty: including Common sense and other writings*. Skyhorse Publishing, 2019, p. 77.

(13), (14). Ronald Reagan Presidential Foundation and Institute. *Reaganomics: Economic Policy and the Reagan Revolution*, <https://www.reaganfoundation.org/ronald-reagan/the-presidency/economic-policy/>, truy cập ngày 25-11-2024.

- (15). Troy, G. *Morning in America: how Ronald Reagan invented the 1980s*. Princeton University Press, 2005, p. 15.
- (16). Reeves, T. C. *Twentieth-century America : a brief history*. Oxford University Press, 2000, pp. 235-237.
- (17). History. *Reagan signs Economic Recovery Tax Act (ERTA)*, <https://www.history.com/this-day-in-history/reagan-signs-economic-recovery-tax-act-erta>, truy cập ngày 23/11/2024.
- (18), (37), (38). Alpert, D. *The age of oversupply : overcoming the greatest challenge to the global economy*. Portfolio/Penguin, 2013, p. 57, 55, 56.
- (19). Đình lạm (stagflation) là hiện tượng kinh tế hiếm gặp, xảy ra khi lạm phát và suy thoái kinh tế đồng thời diễn ra. Điều này có nghĩa là giá cả hàng hóa và dịch vụ tăng cao trong khi nền kinh tế bị đình trệ, gây khó khăn cho nhiều người lao động đang tìm kiếm việc làm.
- (20). Federal Reserve History. (2023). *The Great Inflation*, <https://www.federalreservehistory.org/essays/great-inflation>, truy cập ngày 13-11-2024.
- (21). Gerald R. Ford Presidential Library & Museum. *Address to a Joint Session of Congress on the Economy, October 8, 1974 (WIN-Whip Inflation Now)*, <https://www.fordlibrarymuseum.gov/the-fords/gerald-r-ford/key-speeches-and-writings-gerald-r-ford>, truy cập ngày 20-11-2024
- (22), (36). Munday, P. *Sacred Consumption: The Religions of Christianity and Consumerism in America*. Lexington Books/Fortress Academic, 2023, p. 16, 17.
- (23), (25). Digital History. *Whipping Stagflation*, [https://www.digitalhistory.uh.edu/disp\\_textbook.cfm?smtID=2&psid=3360](https://www.digitalhistory.uh.edu/disp_textbook.cfm?smtID=2&psid=3360), truy cập ngày 23-11-2024.
- (24). Bill of Right Institute. *Jimmy Carter, "Malaise" Speech, July 15, 1979*, <https://billofrightsinstitute.org/activities/jimmy-carter-malaise-speech-july-15-1979>, truy cập ngày 23-11-2024.
- (26). New York. *The "Me" Decade The new alchemical dream is: changing one's personality-remaking, remodeling, elevating, and polishing one's very self*, <https://nymag.com/article/tom-wolfe-me-decade-third-great-awakening.html>, truy cập ngày 23-11-2024.
- (27). Carter, J. *The crisis of confidence. American Experience*. July 15. <https://www.pbs.org/wgbh/americanexperience/features/carter-crisis/>, truy cập ngày 28-6-2024.
- (28), (29). Encyclopedia.com. *The 1980s lifestyle and social trends: Topics in the News*, <https://www.encyclopedia.com/social-sciences/culture-magazines/1980s-lifestyles-and-social-trends-topics-news>, truy cập ngày 21-3-2024.
- (30). Calhoun, J. *Through the Years: The 1980's and a New Individuality*. Off the Chain. September 28, <https://chainstoreguide.com/offthechain/2023/09/years-1980s-new-individuality/>, truy cập ngày 23-11-2024.
- (31). Shapiro, W. *The Birth and - Maybe - Death of Yuppiedom*. Time. April, 8, <https://content.time.com/time/subscriber/article/0,33009,972695,00.html>, truy cập ngày 24-11-2024.
- (32). Encyclopedia. *1980s: The Way We Lived. Bowling, Beatniks, and Bell-Bottoms: Pop Culture of 20th-Century America*, <https://www.encyclopedia.com/history/culture-magazines/1980s-way-we-lived>, truy cập ngày 24-11-2024.
- (33). Atvex. *The yuppie subculture of the 1980s*, <https://atvex.com/en/media/yuppie>, truy cập ngày 11-11-2024.
- (34). Dekker, P., & Ester, P. The Political Distinctiveness of Young Professionals: "Yuppies" or "New Class"? *Political Psychology*, 11(2), 1990. p. 310.
- (35). Wei, H. *A Study of American Yuppie Culture in the 1980s*. Saudi Journal of Humanities Social Sciences, 9(7): 233-237, p. 234, [https://saudijournals.com/media/articles/SJHSS\\_9\\_7\\_233-237.pdf](https://saudijournals.com/media/articles/SJHSS_9_7_233-237.pdf), truy cập ngày 11-11-2024.
- (39). Medoff, J. L., & Harless, A. *The indebted society: anatomy of an ongoing disaster* (1st ed). Little, Brown and Co., 1996, p. 213.